

MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN BIỂU THỊ TÌNH THÁI CƠ BẢN TRONG PHÓNG SỰ CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG VÀ MẤY VẤN ĐỀ VỀ TIỂU TỪ “LẤM”

SOME MEANS OF EXPRESSING BASIC MODALITY IN VU TRONG PHUNG REPORTS AND PROBLEMS OF THE COMPONENT "LAM"

Nguyễn Văn Điện¹, Nguyễn Văn Hiệp²

¹Báo Sài Gòn Giải Phóng; nguyengkhoisgpp@gmail.com

²Viện Ngôn ngữ học

Tóm tắt - Mặc dù đã có rất nhiều nhà ngôn ngữ học đã nghiên cứu trong một thời gian dài song tình thái trong ngôn ngữ vẫn là một lĩnh vực khá mới mẻ, đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, tình thái trong ngôn ngữ là một khái niệm hết sức phức tạp và đây cũng là đề tài gây tranh luận sôi nổi trong giới ngôn ngữ học. Bài báo này tập trung khảo sát “Một số phương tiện biểu thị tình thái cơ bản trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng”. Đối với thể loại phóng sự, ngoài mục đích chuyển tải thông tin nhiều nhất, tác giả Vũ Trọng Phụng đã tái hiện lại hiện trường sự việc một cách sinh động nhất, trong một thời gian ngắn nhất và thể hiện phong cách cá nhân một cách độc đáo, thái độ của mình trong tác phẩm một cách khéo léo và để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng bạn đọc.

Từ khóa - tình thái trong ngôn ngữ; phương tiện; phóng sự; tái hiện; dấu ấn sâu sắc

Abstract - Although many linguists have studied modality for a long time, the modality in language is still a relatively new, and diverse field. However, the modality in the language is a very complex concept and this is also the subject of heated debate in linguistic circles. This article focuses on the survey of “Some of the means of basic character in the reports by Vu Trong Phung”. For the reporter category, in addition to the purpose of conveying the most information, author Vu Trong Phung reproduced the scene of the event in the most vivid, in a shortest time and expressed a personal style in a unique way and his attitude in the work skillfully leaving a deep impression in the heart of the reader.

Key words - modality in language; means; report; reproduce; deep impression

1. Mở đầu

Vũ Trọng Phụng (1912-1939) là một nhà văn, nhà báo nổi tiếng của Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Tuy thời gian cầm bút rất ngắn ngủi, ông đã để lại một kho tác phẩm đáng kinh ngạc: hơn 30 truyện ngắn, 9 tập tiểu thuyết, 9 tập phóng sự, 7 vở kịch, cùng 1 bản dịch vở kịch từ tiếng Pháp, một số bài viết phê bình, tranh luận văn học và hàng trăm bài báo viết về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa. Một số trích đoạn tác phẩm của ông trong các tác phẩm *Số đỏ* và *Giông Tố* đã được đưa vào sách giáo khoa môn Ngữ văn của Việt Nam. Vũ Trọng Phụng là bậc thầy về phóng sự với việc sử dụng các phương tiện tình thái trong ngôn ngữ tiếng Việt và luôn là khuôn mẫu cho các thế hệ sau học tập cách dùng và sử dụng. Sau đây, bài viết giới thiệu một số mẫu phương tiện biểu thị tình thái (PTBT) của nhà văn cũng như cách dùng tiểu từ “lắm” trong các phóng sự của mình.

2. Một số PTBT cơ bản trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng

Các PTBT trong ngôn ngữ tự nhiên rất phong phú, đa dạng nhưng có thể phân thành ba nhóm chính: ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng [1], [2], [3], [4], [5]. Trong tiếng Việt, PTBT dường như chỉ thể hiện ở nhóm ngữ âm và từ vựng, nhưng chủ yếu vẫn là mặt từ vựng, còn mặt ngữ âm rất mờ nhạt, nhất là trên văn bản [10]. Vì vậy, chúng tôi khảo sát các PTBT về mặt từ vựng, vì văn liệu để chúng tôi khảo sát là các bản in phóng sự của Vũ Trọng Phụng.

2.1. Các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ: đã, sẽ, đang (đương), từng, vừa, mới...

Qua khảo sát các phóng sự của Vũ Trọng Phụng, như: *Lục Xì*, *Cạm bẫy người*, *Com thầy com cô* và *Một huyện ăn Tết*, chúng tôi thấy rằng, các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ như: *đã*, *sẽ*, *đương*, *vừa*, *mới*,... được

tác giả sử dụng rất nhiều. Suy cho cùng, trong tiếng Việt, các phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ lại đóng vai trò như “thời” (thì) trong tiếng Anh [11], [15], [17]. Tuy nhiên, cách chia “thời” này phức tạp hơn nhiều và cũng rất khó để nhận biết. Phó từ luôn đứng trước vị từ, bổ sung ý nghĩa cho vị từ, đồng thời biểu thị những nội dung thuộc tình thái của sự tình [6], [7], [8], [12]. Theo đó, có thể nhận diện ý nghĩa của phó từ làm thành phần phụ của ngữ vị từ như sau:

a) Phó từ biểu thị ý nghĩa quá khứ: *đã*,...

(1) *Mụ chủ hàng com đã chứa chấp họ trong những xô sắn. (Com thầy com cô, tr.537)*

(2) *Đây là hai gái “có giấy” chính hiệu! Tôi đã trông thấy một á ở lục xì, lần đầu tôi bước chân vào giang sơn của bọn ấy. (Lục Xì, tr.156)*

Cả hai phó từ *đã* trong câu (1) và (2) biểu thị một sự tình xảy ra trước thời điểm tác giả nói, sự tình xảy ra ở mốc thời gian trong quá khứ. Ở trường hợp này, *đã* bổ sung ý nghĩa cho động từ “chứa chấp” và “trông thấy”, đồng thời khẳng định sự tình ấy đã xảy ra trong quá khứ và có ý nhấn mạnh về điều đó.

Tuy nhiên, không phải khi nào phó từ *đã* cũng biểu thị ý nghĩa về sự tình đã diễn ra trong quá khứ, cũng có khi, phó từ này được sử dụng để chỉ một sự tình đang diễn ra trong hiện tại hoặc có thể diễn ra trong tương lai một cách chắc chắn. Ví dụ:

(3) *Đến đây, con Sen động kinh đã tỉnh. (Com thầy com cô, tr.541)*

Ở câu (3), phó từ *đã* cũng biểu thị ý nghĩa về thời quá khứ, nhưng quá khứ ở đây dường như trùng với hiện tại. Một sự tình xuất phát diễn ra trong quá khứ và kết quả của nó kéo dài đến hiện tại.

b) Phụ từ biểu thị ý nghĩa thời hiện tại: *đang, đang, vừa, ...*

Nếu như phụ từ *đã* được sử dụng để chỉ cho thời quá khứ thì trong tiếng Việt sử dụng *đang, đang, ...* để chỉ thời hiện tại. Ví dụ:

(4) Ông lục **đang** cau mặt nghĩ ngợi cũng pha trò.
(*Cơm thầy cơm cô*, tr.546)

(5) Tức thì **đang** nằm bỗng vùng ngay dậy, hốt hải nói: ... (*Cơm thầy cơm cô*, tr.556)

(6) Sau khi người cai cơ bụng khay cam đi, ông lục nằm xuống bên ngọn đèn phù dung, thở dài một cái như **vừa** cất được xuống đất một gánh nặng vẫn đè lên vai. (*Cơm thầy cơm cô*, tr.547)

c) Phụ từ biểu thị ý nghĩa thời tương lai: *sẽ, ...*

Trong số các phụ từ, phụ từ *sẽ* được dùng để chỉ, cam kết một hành động, sự tình sắp diễn ra trong tương lai. Tuy nhiên, tùy theo chứng cứ, bằng chứng mà người nói đưa ra những mức độ cam kết khác nhau, tùy thuộc vào sự kết hợp với động từ đi sau nó. Xét hai ví dụ sau ta sẽ thấy rõ điều đó.

(7) Sau đó, tên bồi bàn **sẽ** cam đoan một cách rất hùng hồn đại khái rằng những món béo bở và chắc chắn, và cần thận, và danh giá, mà nó vừa tả cảnh ấy là ở xa, xa lắm, phố Hàng Trống, phố Chợ Hôm, đường Quán Thánh... (*Lục Xi*, tr.155).

(8) Người nhà quê cứ bỏ việc làng mà đi! Một ngày kia rồi **sẽ** được nằm trong một xô sân để người mùi nước cống, mùi cứt gà và cứt người, nhìn đôi nằm co mà nhìn lên trời, như đêm nay, có cả ánh sáng trắng vắng vặc. (*Cơm thầy cơm cô*, tr.537).

Qua hai câu (7) và (8) ta thấy rằng, tác giả cũng dùng phụ từ *sẽ* để diễn tả, suy đoán một hành động sắp xảy ra trong tương lai nhưng ở hai cấp độ cam kết khác nhau. Ở câu (7), phụ từ *sẽ* kết hợp với động từ “cam đoan” dẫn đến tình thái chủ quan trong câu nói trên có mức độ cam kết rất cao. Trong khi đó, ở câu (8), mức độ cam kết chỉ dừng lại ở sự suy đoán, phỏng đoán khi phụ từ *sẽ* kết hợp với động từ tình thái *được* và động từ *nằm*.

d) Phụ từ biểu thị những sự tình lặp đi lặp lại, mang tính quy luật.

Cũng ở một số trường hợp, phụ từ *đã* được dùng để biểu thị những sự tình lặp đi lặp lại mang tính quy luật hoặc những sự tình xảy ra đã được minh chứng từ trước đó. Ví dụ:

(9) Tôi **đã** thừa hiểu như vậy, song bà Đợi lại còn cất nghĩa thêm. (*Kỹ nghệ lấy Tây*, tr.511)

(10) Mười ba người tại đây, sờ dĩ trôi dạt đến đây, là bởi cũng **đã** như con thiêu thân bay vào đồng lửa, cho nên mới bị quán mắt về những ánh sáng của kinh thành. (*Cơm thầy cơm cô*, tr.537)

Trong hai câu nói (9) và (10), phụ từ *đã* được Vũ Trọng Phụng dùng để biểu thị một điều đã biết xảy ra một cách chắc chắn, dựa trên những suy luận mang tính quy luật để biểu thị ý nghĩa mệnh đề.

e) Ngoài ra, còn phải kể đến những phụ từ biểu thị sự tiếp nhận sự tình một cách bị động hoặc chủ động của chủ thể như: *mới*.

Trong tiếng Việt, phụ từ *mới* thường được dùng để biểu thị một sự tình vừa xảy ra trong quá khứ gần. Như:

(11) Tôi **mới** đi Sài Gòn về.

Phụ từ *mới* ở câu nói (11) thực ra biểu thị một sự tình, một hành động vừa xảy ra trong quá khứ gần.

Song, qua khảo sát các phóng sự của Vũ Trọng Phụng, chúng tôi nhận thấy rằng, phụ từ *mới* còn được dùng kết hợp với các động từ tình thái (*chẳng, phải, bị, ...*) để biểu thị sự tiếp nhận sự tình một cách bị động hoặc chủ động của chủ thể hành động. Ví dụ:

(12) Vì vậy, ông Ấm **mới** chẳng ngại kể lể tâm sự và nói rõ cả những bí mật nhà nghề đáng giấu kín cho chúng tôi nghe. (*Cạm bẫy người*, tr.475)

(13) Anh Vân vì có buổi hẹn với mòng của anh ấy đúng 6 giờ chiều hôm ấy, đã từ chối, **mới** phải nhận lời. (*Cạm bẫy người*, tr.484)

Ở câu nói (12), phụ từ *mới* được kết hợp với động từ tình thái *chẳng*, biểu thị sự chủ động của chủ thể hành động đối với một sự tình; trong khi ở câu (13), phụ từ *mới* kết hợp với động từ tình thái *phải*, biểu thị sự bị động của chủ thể hành động. Tương tự, khi phụ từ *mới* kết hợp với động từ tình thái *bị* thì cũng cho kết quả như kết hợp với *phải*.

2.2. Các vị từ tình thái (VTTT) làm chính tố trong ngữ đoạn vị từ: toan, định, cố, muốn, đành, được, bị, bỏ, hãy, đừng, chớ, bỗng, có thể, không thể, được, không được...

Trong tiếng Việt, lớp vị từ tình thái đóng vai trò hết sức quan trọng trong biểu thị tình thái. Vị từ tình thái là vị từ chính, biểu thị sự bắt đầu, sự kết thúc, sự kéo dài, sự thành công, sự thất bại, sự cố gắng, sự bất ngờ, sự khuyên răn, ý định/dự định, nghĩa vụ bắt buộc hoặc khả năng đối với sự tình được miêu tả ở bộ ngữ. Trong tiếng Việt, lớp từ này có số lượng rất lớn và đóng vai trò quan trọng trong biểu thị tình thái của người nói đối với sự tình. Trong lớp VTTT, tác giả Bùi Trọng Ngoãn đã tách VTTT ra nhiều lớp (nhận thức, đạo nghĩa), tiểu lớp (nhận thức – thực hữu, phản thực hữu, không thực hữu; đạo nghĩa – bắt buộc, cảm đoán, được phép, miễn trừ) và nhiều nhóm nhỏ khác nhau.

a) Lớp VTTT biểu thị sự bắt đầu một sự tình: *chớm, bắt đầu, ...*

(14) Kể từ ngày ông Táo cười cá lên châu trời, chốn công môn cũng **bắt đầu** thấy bớt rộn rịp... (*Cơm thầy cơm cô*, tr.552)

(15) Đến buổi chiều hôm hai mươi ba, giữa lúc chỗ này chỗ kia, người ta lác đác **bắt đầu** giồng cây nêu, giữa lúc cơn gào thét của gió đông ở những bụi tre xao xác có lẫn những tiếng lung tung của những chùm khánh... (*Một huyện ăn Tết*, tr.552)

Qua khảo sát các phóng sự của Vũ Trọng Phụng, chúng tôi nhận thấy rằng, tác giả rất ít sử dụng lớp VTTT biểu thị sự bắt đầu một sự tình như: *chớm, bắt đầu, ...* trong tác phẩm của mình.

b) Lớp VTTT biểu thị sự kết thúc một sự tình nào đó: *thôi, ngưng, ngừng, bỏ, nghỉ, mất, hết, hà, dứt, ...*

Với lớp VTTT này, nó có thể nằm ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu. Trong phóng sự của mình, Vũ Trọng Phụng đã sử dụng VTTT *thôi* ở cả đầu câu, giữa câu và cuối câu,

trong đó phần cuối câu là nhiều nhất. Ở mỗi vị trí khác nhau, nó mang ý nghĩa khác nhau.

(16) **Thôi**, ta chẳng nên trách cái máu tham hề thấy hơi đồng của các loại động vật biết tiêu tiền trên thế gian. (Lục Xi, tr.161)

(17) Tóm lại một câu, chỉ cần một tí **thôi**, rồi thì là một thiếu nữ hương thiện sẽ có tên trong sổ đoạn trường. (Lục Xi, tr.71)

(18) Trong hạng dĩ da vàng, không phải chỉ có phụ nữ Việt Nam mà **thôi**. (Lục Xi, tr.120)

Khi dùng ở đầu câu như câu (16), VTTT **thôi** được sử dụng để “nhấn mạnh sự kết thúc” của sự tình, có ý khuyên người khác dừng lại điều gì đó; trong khi nếu sử dụng nó ở cuối câu như câu (18) và kết hợp trước đó là VTTT “không phải”, mang ý nghĩa “không bắt buộc” thì nó biểu thị ý nghĩa nội dung mệnh đề là “chưa dừng lại ở đó”.

c) Lớp VTTT biểu thị sự tồn tại và tiếp diễn của một hoạt động trong một quãng thời gian nào đó: có, còn,...

(19) Đã thế, trong đạo nghị định ngày 3 Février 1921, quan thống sứ Rivet lại ký một điều luật khác nữa, **còn** đáng sợ hơn vì nó hồ đồ, vu vơ hơn. (Lục Xi, tr.61)

(20) Độc giả chắc **còn** nhớ đến người trẻ tuổi ăn mặc ra phai bồi bếp đến tòa nhà ở phố Hàng Cá xin “quân sự” phải cho một người cần, mới trưa hôm nay. (Cạm bẫy người, tr.484)

(21) Trong lúc đương xuân và **còn** hưởng mộ sự giàu sang, cô gái trẻ đã yêu một người. (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.496)

Ở cả ba câu nói (19), (20), (21), ta thấy rằng VTTT **còn** được sử dụng để biểu thị một sự tồn tại hoặc tiếp diễn của một sự tình. Thậm chí, xét ở mặt nghĩa ta thấy, việc sử dụng VTTT **còn** vào trước động từ, tính từ hoặc danh từ nhằm mục đích biểu thị ý nghĩa sự tồn tại, tiếp diễn của sự tình ở một mức độ cao hơn và nó chứa thái độ của người nói về sự tình được nói ra, như trường hợp câu (19).

d) Lớp VTTT biểu thị tính bất ngờ của sự tình: **bật**, **phát**, **vụt**, **chợt**, **sực**, **bỗng**, **bỗng chốc**, **thình lình**, **bất thình lình**, **bất giác**, **lập tức**, ngay lập tức...

(22) Ba chúng tôi vừa **bật** cười ồm lên **bỗng** phải hăm ngay luồng điện khoai lạc ấy **lập tức**. (Cạm bẫy người, tr.481)

(23) Cái mặt đẹp trai **bỗng chốc** đã hóa ra mặt một kẻ đầu trâu mặt ngựa, trông rất ghê gớm. (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.498)

(24) Suzanne cúi đầu, **bất giác** nước nỡ... (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.499)

(25) Thế mà **thình lình** ta còn phải trông thấy một cảnh thương tâm! (Một huyện ăn Tết, tr.559)

e) Lớp VTTT biểu thị trạng thái tâm lý bất tự giác – tự giác của chủ thể hành động: **buồn**, **mót**, **mắc**, **thích**, **ham**, **ua**, **ung**, **mê**, **thèm**, **không thèm**...

(26) Đánh trúng vào chỗ yếu của ông cụ rồi, tay bạc bịp già đã **thèm** nhận những lời ăn cần mời mọc vào cuộc tài bàn ngay cho đâu. (Cạm bẫy người, tr.469)

(27) Người nhà quê sung sướng lắm, vì đó là lần đầu mà người nhà quê thấy người tỉnh **thèm** nói với mình. (Cơm thấy cơm cô, tr.536)

(28) Rồi từ chuyện nọ đến chuyện kia, lại nhớ cái vẻ ngạo mạn khinh đời của bà Đội, cái gì cũng **không thèm** giấu giếm cả, nên trong ít lâu tôi đã có thể phác họa nổi hai cảnh ba đào. (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.512)

Qua khảo sát các phóng sự của Vũ Trọng Phụng, chúng tôi thấy rằng, trong tác phẩm của mình, tác giả chỉ sử dụng phần nhiều VTTT **thèm** để diễn tả trạng thái tâm lý tự giác – bất tự giác của nhân vật. Trong khi đó, các VTTT cùng tiểu lớp khác như: **buồn**, **mót**, **mắc**, **thích**, **ham**, **ua**, **ung**, **mê**,... gần như không xuất hiện.

g) Lớp VTTT biểu thị thái độ cố ý của chủ thể hành động: **cố tình**, **cố ý**, **vờ**, **vờ vĩnh**, **giả vờ**, **giả bộ**, **giả cách**, **tỏ vẻ**, **ra vẻ**, **có vẻ**, **ra bộ**...

(29) Đến đây, ông Ấm ngừng lại, **có vẻ** buồn rầu. (Cạm bẫy người, tr.475)

(30) Thấy chúng tôi lạ mặt, người ấy **có vẻ** ngần ngại, chỉ đưa mắt hỏi ông Ấm chứ không nói gì. (Cạm bẫy người, tr.478)

(31) Người trẻ tuổi kia lộ ngay **cái vẻ** sung sướng ra như đang có một gánh nặng trên vai mà đến lúc vừa hạ được nó xuống đất. (Cạm bẫy người, tr.478)

(32) Làm **ra bộ** thua cay, nóng tiết, đang đánh một, hai, ba đồng ông Tham Ngọc rủ đánh gấp đôi. (Cạm bẫy người, tr.470)

(33) Ông nửa quê nửa tỉnh ấy nói đến đấy, vênh vênh cái mặt, **ra vẻ** khinh đời. (Cạm bẫy người, tr.489)

(34) Nói đại khái thế rồi, cả hai **ra vẻ** lấy làm hả hê. (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.506)

Các VTTT **có vẻ**, **ra vẻ**, **cái vẻ**, **ra bộ**... trong câu nói từ (29) đến (34) được Vũ Trọng Phụng sử dụng để miêu tả thái độ cố ý, đáng vẻ của chủ thể hành động. Tuy nhiên, ở mỗi cách sử dụng khác nhau, Vũ Trọng Phụng biểu thị thái độ nhận xét của mình đối với thái độ, đáng vẻ của nhân vật khác nhau.

h) Lớp VTTT biểu thị nỗ lực của chủ thể hành động: **ráng**, **cố**, **gắng**, **cố gắng**, **gượng**, **nín**, **nhịn**, **đánh bạo**, **đánh liều**,...

(35) Xem xong bốn mắt gặp nhau, tôi **cố** nhin cười. (Cạm bẫy người, tr.467)

(36) Cụ Phán **cố** phân trần cho ra lẽ. (Cạm bẫy người, tr.469)

- Lớp VTTT biểu thị sự tiếp thu, tiếp nhận của chủ thể hành động: **bị**, **được**, **phải**, **chịu**,...

(37) Phòng giấy của ông ở trên gác một tòa công sở thuộc quyền quan Đốc lý, tòa nhà mà người dân Hà thành **phải** tới ít ra mỗi năm cũng một lần, khi họ đến lúc **phải** lấy thuế thân. Muốn lên đây, người ta **phải** đi qua phòng thuế chính ngạch, phòng phát môn bài, rồi trèo một cái thang gỗ lim. (Lục Xi, tr.16)

(38) ...ái tình đang độ nồng nàn mà nàng **phải** vào lục xì thì chàng ở bên ngoài sẽ đau khổ hơn Kim Trọng. (Lục Xi, tr.88)

(39) Vì **bị** khám phá ra là có bệnh, một chị em sẽ **bị** giam lại trong phúc đường, thiệt hại: không có việc làm, nghĩa là không có xu tiêu. (Lục Xi, tr.88)

(40) Ông Đốc lý Virgitti, một vị quan cai trị **bị** coi là ít cảm tình với dân Nam hơn hết, vì dự án thuế cư trú, học phí, văn bản... chỉ là một nạn nhân của cái điều ước Patenôtre 1884 – lúc nào cũng cái điều ước ấy! (Lục Xi, tr.49)

(41) Một điều đáng chú ý hết sức, là ông nào cũng tiếc cho cái bản thờ ông vãi của mình đã **bị** đập đổ. (Lục Xi, tr.148)

(42) Năm thầy đương bận việc lục giấy má: số gái kia là bọn “có giấy” đã trốn trong một thời hạn, nay đã người thì tự ý quay về với luật pháp, kẻ thì **bị** luật pháp cầm tay kéo về, một thầy **được** làm việc thư ký. (Lục Xi, tr.58)

(43) Có phải thế không, như chúng ta đã thấy đó, vấn đề mại dâm, ở đây đã **được** nhà chuyên trách nghiên cứu kỹ lưỡng lắm. (Lục Xi, tr.152)

(44) Lần thứ nhì tôi **phải** nhắc đến chuyện bắt đầu “cầm giấy” của chị. (Lục Xi, tr.159)

(45) Đi đã rồi, vẫn **phải** đi. (Cơm thầy cơm cô, tr.536)

Bị, được, phải... là những VTTT biểu thị sự tiếp thụ, tiếp nhận của chủ thể hành động nhưng mỗi từ có mỗi sắc thái ý nghĩa khác nhau. Nếu như **bị** dùng để biểu thị sự tiếp nhận của chủ thể hành động một cách thụ động, mang sắc thái ý nghĩa tiêu cực thì **được** dùng để biểu thị sự tiếp thụ, tiếp nhận sự tình của chủ thể hành động ở sắc thái ý nghĩa ngược lại, theo hướng tích cực và đồng ý.

Trong khi đó, VTTT **phải** được sử dụng để biểu thị sự tiếp thụ, tiếp nhận của chủ thể hành động đối với sự tình một cách khiên cưỡng, không mong muốn nhưng vẫn phải chấp nhận.

2.3. Nhóm vị từ biểu thị giả định hành động, trạng thái, tính chất,... là không tồn tại, không có thật: toan, suýt, chực, hòng,... Ví dụ:

(46) Năm nghìn! Tôi đã kinh hoàng vì con số ấy. Tôi đã **toan** không tin... Nhưng mà khi ông đốc lý Hà Thành tuyên bố cái con số những đàn bà làm đĩ trong tỉnh thành của ông – sự tuyên bố ấy chẳng danh giá gì – thì ông đã lấy con số ấy ở biên bản của một sở mà sở đó khiến ta có thể tin được là sở Liêm Phóng. (Lục Xi, tr.10)

(47) Tôi lè lưỡi **toan** phát biểu một vài ý kiến, nhưng ông lục sự vội cắt nghĩa kỹ. (Một huyện ăn Tết, tr.551)

Ở hai câu nói (46) và (47) đều biểu thị một sự tình chuẩn bị xảy ra nhưng lại không xảy ra, nhưng VTTT **toan** ở câu (46) và (47) lại ở hai chiều sắc thái ý nghĩa trái nghịch nhau. Hay nói cách khác, một bên sự tình xảy ra còn bên kia sự tình lại không xảy ra. Có thể khúc giải hai câu trên như sau:

(48) Tôi đã **toan** không tin... nhưng sau đó tôi lại tin (vì sự tình diễn ra dựa trên số liệu chắc chắn là lời tuyên bố của ông đốc lý Hà Thành, mà con số đó được lấy từ sở Liêm Phóng).

(49) Tôi lè lưỡi **toan** phát biểu... nhưng sau đó tôi không được phát biểu (vì ông lục sự vội cắt nghĩa kỹ).

Qua đó ta thấy rằng, VTTT **toan** được sử dụng để biểu thị một dự định chủ thể hành động về một sự tình và sự tình đó diễn ra trái với dự định của chủ thể hành động. Vì thế, vấn đề ở đây là sự tình diễn ra trái với dự định của chủ thể hành động chứ không nằm ở sắc thái ý nghĩa nội dung mệnh đề.

Thực ra mà nói, VTTT **toan** được người miền Bắc sử dụng rộng rãi để thể hiện tình huống giả định nào đó, trong khi người miền Nam (kể từ Trung Trung Bộ trở vào) lại rất ít sử dụng từ này. Ở miền Nam, để thực hiện tình huống giả định, người ta sử dụng từ **định** thay cho từ **toan** của người miền Bắc với giống y nguyên sắc thái ý nghĩa. Ví dụ ta xét hai ví dụ sau sẽ thấy:

+ VD1: Anh xin xé giấy cho Thiên Kim để **định** ăn ở như vợ chồng với Thiên Kim, cũng như trăm ngàn binh lính khác với trăm nghìn đàn bà bán xir khác, thế thôi, chứ đến chuyện làm phép cưới tại tòa Đốc lý là điều rất cau nệ, thì anh chưa có thể quyết định ngay được. (Lục Xi, tr.190)

+ VD2: - Sao anh không nhảy xuống cứu cô ấy?

- Tôi **định** nhảy xuống sông cứu cô ấy nhưng lúc đó có một chiếc ca nô của cảnh sát chạy đến.

Xét cả hai đoạn hội thoại trên ta thấy rằng, VTTT **định** được sử dụng giống từ **toan** của người miền Bắc. Tuy nhiên, từ **định** còn được người miền Nam sử dụng cho những dự định trong tương lai, và dự định ấy có thể xảy ra hay không tùy thuộc vào hoàn cảnh, ngữ cảnh giao tiếp (ví dụ: Tôi **định** viết một bài báo để nói về cải cách giáo dục).

2.4. Nhóm VTTT biểu thị sự mong muốn của chủ thể hành động, như: muốn, mong, ước, ngại, lo, dự tính, dự định, quyết, định bụng,... Ví dụ:

(50) Tôi **muốn** gọi vài ả để hỏi một đôi câu chuyện. Bà giám thị của phúc đường, nói bằng tiếng Pháp, vội ngăn. (Lục Xi, tr.74)

(51) Tôi **muốn** biết những cảm tưởng của người đàn bà khi mới bắt đầu làm đệ tử chính thức của thần Bạch My. (Lục Xi, tr.170)

(52) Lấy tư cách nhà ngôn luận, chúng tôi **muốn** được phép vào nhà lục xì để viết một thiên phóng sự. (Lục Xi, tr.19)

(53) Tôi đã **muốn** bắt bình! (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.508)

(54) Tôi cũng **muốn** kiếm lời khen ngợi, song bà Đội nói trước mặt. (Kỹ nghệ lấy Tây, tr. 514)

Xét các câu nói trên ta thấy, nhóm VTTT này không giả định hành động, trạng thái, tính chất,... mà vị từ bỏ ngữ của chúng biểu thị là tồn tại hay không tồn tại của sự tình. Việc tôi **muốn** (mong...), chúng tôi **muốn** (mong...) không giả định là có thực hiện được hay không vì sự tình được **muốn** (mong,...) không thuộc sự quyết định của chủ thể hành động mà nó phụ thuộc vào sự quyết định của đối tượng hành động.

Ở điểm này, ta cần phân biệt VTTT **muốn**,... với VTTT biểu thị sự ước đoán, suy đoán của chủ thể hành động (như: **muốn chừng...**, **muốn như...**). Mặc dù cũng là VTTT nhưng khi kết hợp với phó từ **chừng**, **như**,... thì chúng cho nghĩa tình thái khác. Ví dụ:

(55) Những người ấy **muốn chừng** phải đợi lâu lắm. (Lục Xi, tr.17)

(56) Nụ cười vẫn thường lộ trên cặp môi đỏ tựa thoa son, anh Vân bỗng ử dột, **muốn như** có vẻ chán đời. (Cạm bẫy người, tr.465)

VTTT **muốn chừng**..., **muốn như**... ở hai câu nói (55) và (56) đều thể hiện sự ước đoán, suy đoán, suy luận của

chủ thể hành động ngôn từ chứ không hề biểu thị sự tồn tại hay không tồn tại của sự tình như trường hợp ở câu (50), (51), (52), (53), (54). Việc phân biệt này là rất cần thiết trong phân tích tình thái trong tiếng Việt.

2.5. Nhóm VTTT biểu thị sự khuyên răn, khuyên cáo, bắt buộc, cấm đoán, được phép, miễn trừ: hãy, nên, không nên, chớ, chớ đại, đừng, đừng nên...

(57) Nếu ông có việc ra tòa hay về phố Julieu Blance thì ông cứ đi thẳng cho nghiêm chỉnh, **đừng** có trông ngang trông ngửa. (Lục Xi, tr.83)

(58) **Chớ** có trêu vào đệ tử của thần Bạch My mà sẽ...xấu hổ với họ. (Lục Xi, tr.84)

(59) Đến đây, ta **nên** để ý đến sự phê phán của bác sĩ Le Roy des Barres để mà hồ thẹn một chút cho cái xã hội Việt Nam ta. (Lục Xi, tr.125)

(60) Nhưng thôi, đến đây ta **hãy** nghe bác sĩ Coppin nói đây: (Lục Xi, tr.128)

Khi sử dụng nhóm VTTT này, ngoài nội dung mệnh đề ra, Vũ Trọng Phụng còn khuyên răn, khuyên cáo, cảnh báo người khác về sự tình nào đó bằng các nhóm vị từ: *nên, hãy, đừng, chớ,...*

Qua khảo sát trong các phóng sự của Vũ Trọng Phụng, chúng tôi thấy tác giả còn sử dụng VTTT **cứ** để thể hiện sự khuyên răn, khuyên cáo, bắt buộc tương tự như vị từ tình thái **nên, hãy**. Ví dụ:

+ Ta **cứ** việc tin ở tiểu thuyết mà lãng mạn một chút đi, thế rồi ái tình sẽ gánh vác hết mọi việc trong cuộc đời ta, làm hỏng đời ta. (Lục Xi, tr.71)

+ Các ngài **cứ** tưởng tượng ra một cái linh hồn gái quê dần dần ở một cái xác thịt gái thanh lâu, bên trong những y phục tôi tàn và rẻ tiền, thì đủ hiểu. (Lục Xi, tr.157)

+ Ta **cứ** coi tin này đủ hiểu rằng chính phủ Pháp nay mai sẽ có một chính sách mới: dự án Sellier. (Lục Xi, tr.200)

Nếu chúng ta thử thay đổi VTTT **cứ** bằng các VTTT **hãy/nên** thì chúng cũng cho nghĩa như nhau.

2.6. Quán ngữ tình thái biểu thị sự ước đoán, suy đoán, suy luận: độ, độ chừng, có thể, hình như, muốn chừng, muốn như, có lẽ, ý chừng, tưởng, tưởng chừng, thiết tưởng,...

(61) **Hình như** nhà nước đặt nó ở phố Hàng Cẩn. (Lục Xi, tr.27)

(62) Từ khi người ta sống với nhau thành xã hội, **có lẽ** trừ thời cổ đại, nhân loại cũng đau đớn ê chề về nạn mại dâm.

(63) **Độ chừng** năm nghìn đĩ lậu mà chỉ có một viên thanh tra người Pháp chỉ huy năm hay sáu thầy “đội con gái”. (Lục Xi, tr.44)

(64) Bọn gái thanh lâu của chúng ta vẫn có tính cả thẹn, mặc lòng cái nghề của họ là mỗi đêm phải đem cái tính cả thẹn ấy hy sinh đi **độ** mười lần. (Lục Xi, tr.84)

(65) Một thị khác, **ý chừng** cho lời nói chỉ là câu mịa mai châm chọc, nói kéo rõ dài cái mồm. (Lục Xi, tr.106)

(66) Nếu nghề báo chỉ là một nghề nói xấu thì tôi **tưởng** những người để tâm làm cái cách xã hội, nhà lập pháp, nhà chánh trị, ai cũng là đi nói xấu cả. (Lục Xi, tr.108)

(67) Thị Lành **có lẽ** vốn vì hư hỏng và lười biếng mà bước vào nghề mại dâm. (Lục Xi, tr.160).

(68) **Thiết tưởng** một phạm nhân can tội giết người mà được trạng sư cãi trắng án cũng vì tất đã có lòng kính phục, ngưỡng mộ, nhớ ơn ông thầy cãi của mình như cụ Phán của tôi kính phục, ngưỡng mộ, nhớ ơn ông “trạng sư của tài bàn, tổ tôm”. (Cạm bẫy người, tr.475)

(69) **Tưởng** chỉ có cái kế cuối cùng là sự hẹn lần vậy. (Cạm bẫy người, tr.477)

(70) Phải đàn ông chúng ta, không ai lại **có thể** đồ cử nhân trước, rồi đồ thành chung sau, rồi đồ sơ học sau cùng. Nhưng công danh người đàn bà đi lấy Tây **có thể** vì như thế được đấy. (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.496)

(71) Vì rằng một người đàn bà hết nước mắt **có thể** gọi là con quái vật được. (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.497)

Các quán ngữ tình thái nói trên được Vũ Trọng Phụng sử dụng trong phóng sự của mình nó vừa góp phần làm rõ nội dung mệnh đề vừa tỏ thái độ nhận xét, suy đoán, phỏng đoán, ước lượng,... của tác giả đối với sự tình.

2.7. Các vị từ chỉ thái độ mệnh đề trong cấu trúc chỉ thái độ mệnh đề: tôi e rằng, tôi sợ rằng, tôi nghĩ rằng, tôi lấy làm lạ...

(72) Nhưng mà **tôi biết rõ rằng**, câu “đủ tư cách nuôi nổi” có ngụ nhiều ý nghĩa lắm. (Lục Xi, tr.186)

(73) Cũng như **tôi lấy làm lạ** rằng đi tuần là một phận sự khó nhọc vậy mà người ta ham mê bốn phận đến bậc phải đứt lót để gánh vác lấy sự vất vả vào thân xác cho chóng. (Một huyện ăn Tết, tr.548)

2.8. Các vị từ ngôn hành trong kiểu câu ngôn hành (với những điều kiện về ngôi, về chỉ tố thời,...) như: ra lệnh, van, xin, đề nghị, yêu cầu,...

(74) Năm nghìn! Tôi đã kinh hoàng vì con số ấy. Tôi đã toan không tin... Nhưng mà khi ông đốc lý Hà Thành **tuyên bố** cái con số những đàn bà làm đĩ trong tỉnh thành của ông – sự **tuyên bố** ấy chẳng danh giá gì – thì ông đã lấy con số ấy ở biên bản của một sở mà sở đó khiến ta có thể tin được là sở Liêm Phóng. (Lục Xi, tr.10)

(75) Nhưng muốn biết cho kỹ thì đây, ta hãy nghe lời **tuyên bố** của bác sĩ Joyeux. (Lục Xi, tr.145)

(76) Hội “Phục hưng luân lý của công chúng Pháp” đã **tuyên ngôn** rằng... (Lục Xi, tr.201)

(77) Tóm lại, đó là tuyên ngôn rằng nước mình đã giàu mạnh, đã cực kỳ văn minh. (Lục Xi, tr.204)

Các tiêu từ tình thái cuối câu và tổ hợp đặc ngữ tương đương: à, ư, nhĩ, nhé, thôi, chứ, đi, mất, thật, đây, đấy, cũng nên, lại còn, thì chết,...

(78) Cái cửa nhà lục xì vậy mà đã mở **thật**. (Lục Xi, tr.46)

(79) **Thật** là đúng **thật**. (Lục Xi, tr.100)

(80) Ủ, muốn làm hại ai thì phải có đủ thời gian **đủ chứ?** (Lục Xi, tr.60)

(81) Hai cái bánh đúc nó...cặp môi giầy nó...hai mắt nhỏ tí nó...chao ôi, khó nói quá **đĩ mất!** (Lục Xi, tr.157)

(82) Như công danh người đàn bà đi lấy Tây có thể vì như thế được **đấy**. (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.496)

Đối với các tiểu từ tình thái cuối câu, có hiện tượng qua quá trình ngữ pháp hóa, một số vị từ ngôn liệu đã phát triển ngữ nghĩa và thay đổi cách ứng xử ngữ pháp, trở thành tiểu từ tình thái, biểu thị sự thừa nhận, sự khẳng định, sự đánh giá... của người nói đối với sự tình được nói đến trong câu. Ví dụ, ở câu (78), thông qua tiểu từ tình thái cuối câu **thật** đã biểu thị sự thừa nhận, sự khẳng định của người nói đối với sự tình được nói đến trong câu, giả định trong thế xung đột với một suy nghĩ trái ngược nào đó từ phía người nghe hoặc với một điều suy nghĩ trái ngược của người nói trước đó. Ngoài ra, qua đó, Vũ Trọng Phụng còn tỏ thái độ bất ngờ khi sự chờ đợi, mong đợi, nghĩ là không xảy ra nhưng cuối cùng lại đã xảy ra.

3. Mấy vấn đề về tiểu từ tình thái "lắm"

Trong số các tiểu từ tình thái cuối câu, chúng tôi nhận thấy rằng, Vũ Trọng Phụng đã sử dụng rất nhiều vị từ **lắm** và vị từ này thường nằm vào cuối câu. Xét ở góc độ nào đó, vị từ **lắm** nằm sau động từ và nó có vai trò như một phụ từ, bổ ngữ cho vị từ đứng trước nó, thể hiện mức độ đánh giá của người nói đối với nội dung mệnh đề được nói ra trong câu. Ví dụ:

(83) *Cái vẻ học trò của người đệ đơn, những lời trần tình qua giọng đau đớn, sự cắt nghĩa rành mạch mọi trường hợp của người đàn bà có thể bị bắt oan, khiến ông Nguyễn Huy Quỳnh bận tâm lắm.* (Lục Xi, tr.179-180)

(84) *Nhưng mà tôi biết rõ rằng, câu “đủ tư cách nuôi nổi” có ngụ nhiều ý nghĩa lắm.* (Lục Xi, 186)

(85) *Người linh này ở đạo bình thứ 9, Hà Nội còn trẻ lắm.* (Lục Xi, tr.188)

(86) *Ông Tham Ngọc của anh Vân ăn nói ôn tồn, đóng cái vai kịch của mình một cách thạo lắm.* (Cạm bẫy người, tr.468)

Ở tất cả các phụ từ **lắm** ở các câu nói trên đều nhằm bổ ngữ cho vị từ đứng trước nó, tuy nhiên, do xuất hiện với tần số khá cao ở vị trí cuối câu, áp lực hệ thống đã khiến nó có vai trò như một tiểu từ tình thái cuối câu, biểu thị thái độ, nhận xét của người nói đối với tính cùng cực, tính “tối hạn” (critical) của sự tình để tạo thành một tổ hợp đặc ngữ tương đương: *bận tâm lắm, ý nghĩa lắm, trẻ lắm, thạo lắm...*

3.1. Vị từ "lắm" với tư cách là tiểu từ tình thái

Trong quá trình khảo sát các PTBTTT trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng, chúng tôi nhận thấy tiểu từ **lắm** được tác giả sử dụng rất nhiều, đặc biệt là ở cuối câu hoặc kết hợp với một tiểu từ tình thái cuối câu. Trong đó phải kể đến như:

(87) *Lúc ấy cũng khuya lắm rồi.* (Cơm thầy cơm cô, tr.517)

(88) *Sự thực, họ đã chán những cái tân thời ấy lắm.* (Lục Xi, tr.111)

(89) *Dạ, bầm chắc chắn lắm ạ!* (Lục Xi, tr.155)

(90) *Ờ ờ! Rõ khéo khi lắm nữa.* (Lục Xi, tr.156)

(91) *Và lại, dấu sao thế cũng được lắm rồi.* (Lục Xi, tr.157)

(92) *À! Được lắm!* (Lục Xi, tr.159)

(93) *Phải lắm. Đi trốn thì bị bắt, dấu rằng trốn đã mười năm hay năm năm.* (Lục Xi, tr.172)

(94) *Nhưng họ cũng nhiều khi quá lắm.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.497)

(95) *Phải, cũng có nhiều anh trung hậu lắm chứ.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.497)

(96) *Ông nói phải lắm.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.500)

(97) *Bà cụ lo thế là phải lắm chứ.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.501)

(98) *Nói đại khái thế rồi, cả hai mẹ ra về lấy làm há lắm.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.506)

Ban đầu, chúng tôi nghĩ đó chỉ là phụ từ chỉ mức độ, song sự xuất hiện dày đặc của chúng làm chúng tôi để ý và thử đi vào nghiên cứu xem nó có phải là tiểu từ tình thái cuối câu hay chỉ là phụ từ chỉ mức độ kết hợp với tiểu từ tình thái cuối câu. Qua sàng lọc và đối chiếu, chúng tôi thấy rằng trong nhiều trường hợp, **lắm** có thể được xem là một tiểu từ tình thái cuối câu. Tuy nhiên, gần như tiểu từ **lắm** không thể đứng độc lập mà phải kết hợp với một tiểu từ tình thái khác và nó phải đứng sau các tiểu từ tình thái mà nó kết hợp. Trong khi đó, nếu **lắm** đứng trước tiểu từ tình thái cuối câu thì nó có khi là tiểu từ tình thái nhưng cũng có khi chỉ đơn thuần là phụ từ chỉ mức độ (trường hợp này theo tác giả Nguyễn Văn Hiệp có thể thuyết giải là từ đồng âm hoặc từ đa nghĩa mà thôi).

Mở rộng phạm vi khảo sát ra ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày, chúng tôi nhận thấy **lắm** còn được kết hợp và đứng sau với tiểu từ tình thái **rồi**. Ví dụ:

(99) *Để nó yêu anh ta rồi lắm?*

Có một điều thú vị là khi chúng tôi thử đảo vị trí của **lắm** trong kết hợp với tiểu từ tình thái thì nó biểu thị ý nghĩa sắc thái khác nhau. Ở một số trường hợp chuyển từ câu khẳng định sang nghi vấn hoặc ngược lại nhằm nhấn mạnh hay giảm nhẹ sự tình, thì vị trí của **lắm** cũng phải thay đổi theo hướng mới tương thích với nội dung. Ví dụ:

(98') *Hình như, sự thực, họ đã chán những cái tân thời lắm ấy?*

(99') *Nó yêu anh ta rồi lắm.*

Tuy nhiên, nếu chuyển về vị trí như câu (98') thì **lắm** lại có vai trò như một phụ từ chỉ mức độ mà chúng tôi đã đề cập ở phía trên. Xét về nghĩa, chúng ta có thể biết được **lắm** là phụ từ chỉ mức độ hay là tiểu từ tình thái. Nếu **lắm** nằm trong câu, biểu thị sắc thái ý nghĩa chỉ mức độ “nhiều” thì nó là phụ từ, như câu: (87), (99), (90), (95) nhưng trong một số câu như câu (99'), **lắm** lại không mang biểu thị ý nghĩa mức độ “nhiều”. Vậy phải chăng **lắm** ở những câu sau đây là tiểu từ tình thái? Ví dụ:

(100) *À! Được lắm!* (Lục Xi, tr.159)

(101) *Phải lắm. Đi trốn thì bị bắt, dấu rằng trốn đã mười năm hay năm năm.* (Lục Xi, tr.172)

(102) *Nhưng họ cũng nhiều khi quá lắm.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.497)

(103) *Ông nói phải lắm.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.500)

(104) *Bà cụ lo thế là phải lắm chứ.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.501)

Phân tích về mặt ngữ nghĩa của tiểu từ **lắm**, ta thấy rằng, tất cả tiểu từ **lắm** trong các câu (100), (101), (102),

(103) và (104) không chỉ thể hiện mức độ mà còn bỏ ngữ cho vị từ hoặc tiểu từ tình thái đứng trước nó nhằm mục đích cam kết và nhấn mạnh một sự tình được nhắc đến trong câu. Ví dụ:

(105) *Phải lắm. Đi trốn thì bị bắt, dẫu rằng trốn đã mười năm hay năm năm.* (Lục Xi, tr.172)

+ hoặc bày tỏ thái độ đánh giá về một sự tình. Ví dụ:

(106) *Nhưng họ cũng nhiều khi quá lắm.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.497)

+ hoặc vừa cam kết về sự tình vừa biểu thị thái độ nhận xét, đánh giá của người nói về sự tình được nói đến. Ví dụ:

(107) *Ông nói phải lắm.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.500)

(108) *Bà cụ lo thế là phải lắm chứ.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.501)

Ta có thể khước giải:

(107') *Ông nói điều đó là đúng, tôi đồng ý với ông về điều đó.*

(108') *Bà cụ lo thế là đúng, tôi đồng ý với cách làm của bà ta.*

Từ đó, ta có thể thấy rằng, tiểu từ tình thái **lắm** chứa nội dung tình thái, đó là một sự đánh giá, nhận xét, cam kết,... của người nói đến với người nghe.

3.2. Khả năng kết hợp của tiểu từ tình thái "lắm"

- Vị trí của tiểu từ **lắm**: Là một tiểu từ tình thái, **lắm** có thể đứng ở cuối câu (về câu), có thể đứng trước tiểu từ tình thái cuối câu và luôn đứng sau vị từ và bỏ ngữ cho vị từ ấy. Ví dụ:

(109) *Ông nói phải lắm.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.500)

(110) *Bà cụ lo thế là phải lắm chứ.* (Kỹ nghệ lấy Tây, tr.501)

Ở câu (109), tiểu từ **lắm** nằm ở cuối câu, đứng sau vị từ *phải* và bỏ nghĩa cho vị từ đó. Trong khi đó, ở câu (110), tiểu từ **lắm** đứng trước tiểu từ tình thái *chứ* (cuối câu) và đứng sau vị từ *phải*, đồng thời vừa bỏ nghĩa cho vị từ *phải* vừa tăng thêm sắc tố nghĩa cho tiểu từ tình thái cuối câu.

- Khả năng kết hợp của tiểu từ **lắm** với các yếu tố tình thái khác trong câu: Cũng như các tiểu từ tình thái cuối câu khác (*roi, đấy, đây, thật, mất, ...*), tiểu từ **lắm** cũng có khả năng kết hợp với các tiểu từ tình thái cuối câu, cũng có khi đóng vai trò là một tiểu từ tình thái cuối câu, có khi là tiểu từ tình thái bỏ nghĩa cho tiểu từ tình thái cuối câu (đứng sau nó) và vị từ (đứng trước nó). Xét ở nhiều khía cạnh, tiểu từ **lắm** hoạt động giống như các tiểu từ tình thái khác.

4. Vai trò của các PTBTTT trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng

Trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong sáng tác tác phẩm văn chương, tác phẩm báo chí (trong đó có thể loại phóng sự), PTBTTT đóng vai trò hết sức quan trọng. Đặc biệt, đối với một cây bút trào phúng như Vũ Trọng Phụng, sự trào phúng, châm biếm và nhạo đời không chỉ được thể hiện qua nội dung mệnh đề mà nó còn được tác giả khéo léo truyền đạt đến độc giả thông qua các PTBTTT. Và, qua cách sử dụng các PTBTTT trong tác phẩm của mình, Vũ Trọng Phụng đã hình thành nên một phong cách riêng, đặc biệt tạo nên cái tôi một cách rõ nét. Và chính cái tôi

ấy tạo nên phong cách của Vũ Trọng Phụng. Có thể khái quát vai trò của các PTBTTT trong phóng sự Vũ Trọng Phụng như sau:

- Thể hiện sự đánh giá, thái độ, lập trường của Vũ Trọng Phụng đối với nội dung thông báo.

Khi Vũ Trọng Phụng thuật lại sự tình, không chỉ đơn thuần muốn truyền đến độc giả nội dung sự tình thông qua nội dung mệnh đề, mà thông qua các PTBTTT, tác giả đã bày tỏ sự đánh giá, thái độ và lập trường của mình. Qua đó, ngoài nội dung mệnh đề được thể hiện, độc giả còn hiểu được thái độ của tác giả về sự tình đó như thế nào. Hay nói cách khác, việc sử dụng PTBTTT trong câu nói, người nói đánh giá nội dung thông báo về độ tin cậy, về tính hợp pháp của hành động, xem nó là điều tích cực (mong muốn) hay tiêu cực (không mong muốn), là điều bất ngờ, ngoài chờ đợi hay bình thường, đánh giá về tính khả năng, tính hiện thực của điều được thông báo... Ví dụ:

(111) *Ba chúng tôi vừa bật cười ầm lên bỗng phải hãm ngay luồng điện khoái lạc ấy lập tức.* (Cạm bẫy người, tr.481)

Xét câu nói (111) ta thấy rằng, muốn thể hiện sự nhanh và bất ngờ ("lập tức") của sự tình, Vũ Trọng Phụng đã sử dụng vị từ tình thái **bật** và **bỗng** để diễn tả. Chính nhờ hai vị từ tình thái **bật** và **bỗng** đó, độc giả hoàn toàn có thể tưởng tượng ra sự bất ngờ của sự tình mà nội dung mệnh đề không thể diễn tả hết được.

- Thể hiện mục đích phát ngôn của người nói như: hỏi, ra lệnh, yêu cầu, xác nhận, bác bỏ, thể, khuyên, mời...

Khi trình bày một câu nói, tác giả sử dụng các PTBTTT nhằm thể hiện mục đích phát ngôn của mình. Có thể, với nội dung mệnh đề là một câu hỏi nhưng thực chất đó là một lời cầu khiến; cũng có khi thực hiện một hành động hỏi nhưng thực chất người nói muốn khẳng định lại một sự tình nào đó mang tính ngạc nhiên, bất ngờ. Ví dụ:

(112) *Thì ra trong làng mai dâm mà cũng có kẻ chủ trương "nghệ thuật vị nghệ thuật".* (Lục Xi, tr.11)

Xét câu nói (112) ta thấy rằng, bằng việc sử dụng liên từ tình thái **thì ra**, Vũ Trọng Phụng không chỉ dừng lại ở việc thông báo nội dung mệnh đề là "trong làng mai dâm cũng có kẻ chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật" mà còn nhằm mục đích khẳng định một việc vô lí nhưng đang xảy ra với một thái độ cười nhạo, châm biếm. Mặc dù nội dung mệnh đề không hề thể hiện thái độ của Vũ Trọng Phụng nhưng người đọc sẽ hiểu được thái độ châm biếm, cười nhạo của tác giả thông qua việc sử dụng liên từ tình thái nói trên.

- Góp phần tạo nên phong cách của tác giả trong phóng sự.

Suy cho cùng, việc sử dụng các PTBTTT của mỗi người khác nhau sẽ tạo nên hiệu quả của câu nói khác nhau, đồng thời cũng thể hiện tính cách khác nhau của mỗi người. Trong phóng sự cũng vậy, việc sử dụng các PTBTTT đã góp phần tạo nên cái tôi của tác giả, và cái tôi đó xây dựng nên phong cách của tác giả. Vũ Trọng Phụng được mệnh danh là "ông vua phóng sự Bắc Kỳ" với lối viết trào phúng, mà đã viết trào phúng thì nhất thiết phải sử dụng các thủ pháp nghệ thuật, trong đó có PTBTTT, để gây cười, để

phản ánh xã hội một cách sâu sắc... Việc sử dụng các PTBTTT một cách nhuần nhuyễn, linh hoạt, đúng lúc, đúng chỗ thì sẽ mang lại hiệu quả cao trong phát ngôn.

5. Kết luận

Qua việc dựa trên các luận điểm lí thuyết của các tác giả Cao Xuân Hạo, Nguyễn Văn Hiệp, Bùi Trọng Ngoãn để khảo sát các PTBTTT trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng, chúng tôi thấy rằng, Vũ Trọng Phụng là một trong những nhà văn, nhà báo sử dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt các PTBTTT. Dường như, tất cả các PTBTTT trong tiếng Việt đều có mặt trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng. Không những thế, qua quá trình khảo sát, chúng tôi còn phát hiện một số PTBTTT mới mà các nhà nghiên cứu đi trước chưa đề cập, trong đó có tiêu từ tình thái cuối câu **lắm** và hàng loạt liên từ biểu thị tình thái như: *thì ra, hướng chi, thật vậy, thật ra, để rồi, đã vậy, thế rồi, thế là, rồi thì, thôi thì...* Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, ngoài các VTTT **hãy, nên, đừng, chớ,...** thể hiện ý nghĩa khuyên răn, khuyên cáo còn có VTTT **cứ**. VTTT **cứ** được sử dụng trong câu mang nghĩa khuyên răn, khuyên cáo người nghe tương tự như **hãy, nên,...**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Diệp Quang Ban (2010), *Từ điển Thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXBGD.
- [2] Diệp Quang Ban (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt (tập 2)*, NXBGD.
- [3] Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu trúc của văn bản*, NXBGD.
- [4] Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, (tập 2) - Ngữ dụng học, NXBGD.
- [5] Đỗ Hữu Châu - Bùi Minh Toán (2011), *Đại cương Ngôn ngữ học*, (tập 1), NXBGD.
- [6] Nguyễn Thiện Giáp (1996), *Từ và nhận diện từ tiếng Việt*, NXBGD.
- [7] Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Dụng học Việt ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- [9] Cao Xuân Hạo (Chủ biên), Hoàng Xuân Tâm, Nguyễn Văn Bằng, Bùi Tất Tươi (1992), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt (quyển 1) - Câu trong tiếng Việt: Cấu trúc-chức năng-công dụng*, NXBGD.
- [10] Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, NXBGD.
- [11] Nguyễn Văn Hiệp, Vũ Đức Nghiệu (2009), *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [12] Bùi Trọng Ngoãn (2004), *Khảo sát các động từ tình thái trong tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn.
- [13] Hoàng Phê (chủ biên) - (2007), *Từ điển tiếng Việt*, Vietlex và NXB.
- [14] Lý Toàn Thắng (2003), *Lí thuyết trật tự từ trong cú pháp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [15] John Lyons (2005), *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, Nguyễn Văn Hiệp dịch, NXBGD.
- [16] V.S. Panfilov (2008), *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt*, Nguyễn Thùy Minh dịch, NXBGD.
- [17] Mak Halliday (2004), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, Hoàng Văn Vân dịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

(BBT nhận bài: 14/4/2017, hoàn tất thủ tục phản biện: 26/4/2017)